

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGN -ST
Ngày 12/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Chiếu;
2. Bà Dương Thị Tú Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “yêu cầu xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2018/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Hồng N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp 20, xã P Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Phùng Thanh P, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp Phước Thọ Tiền, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu
(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 4 năm 2018 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Hồng N trình bày: Vào ngày tháng nào chị không nhớ nhưng vào năm 2007, chị và anh P có làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Long, huyện Phước Long vào ngày 18 tháng 10 năm 2017. Khi chung sống, chị và anh P có sinh 01 người con tên Phùng Cẩm D, sinh ngày 09/3/2008, cháu D đang sống với chị N. Về tài sản chung và nợ chung chị Lê Hồng N

xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn để chị yêu cầu xin ly hôn với anh P là do anh P thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con, anh P không lo làm ăn nên chị và anh P không còn chung sống cách nay khoảng 8 năm. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh P, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phùng Thanh P vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự. Về bị đơn chưa thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn với anh P.

+ Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử, tiếp tục giao cháu Phùng Cẩm D, sinh ngày 09/3/2008 cho chị N nuôi dưỡng; anh P không phải cấp dưỡng nuôi cháu D nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Lê Hồng N khởi kiện anh Phùng Thanh P về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phùng Thanh P đã được Tòa án nhân dân huyện Phước Long triệu tập đến Tòa án nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không có lý do nên việc Tòa án nhân dân huyện Phước Long giải quyết vụ kiện vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại các Điều 179, 207- 211 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vắng mặt chị N là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị N xác định, chị và anh P làm đám cưới vào năm 2007, còn ngày tháng thì không nhớ; có tổ chức lễ cưới theo P tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Long, huyện Phước Long vào ngày 18 tháng 10 năm 2007. Xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân thì giữa chị và anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày thêm trầm trọng, hạnh phúc không đạt được nên không còn sống chung cách nay hơn 08 năm. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, quan hệ hôn nhân của

chị N và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc nhưng trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên anh, chị không còn sống chung cách nay hơn 08 năm. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh P. Căn cứ vào quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị N được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: theo chị N xác định chị và anh có 01 người con chung tên Phùng Cẩm D, sinh ngày 09/3/2008, cháu D đang sống với chị N. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tính đến ngày xét xử cháu D đã trên 07 tuổi và cháu có nguyện vọng sống với chị N và nhằm không làm xáo trộn đời sống của cháu nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao Phùng Cẩm D, sinh ngày 09/3/2008 cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc; anh P không phải cấp dưỡng nuôi cháu D nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Hồng N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39, 179, 207- 211 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Hồng N. Cho chị Lê Hồng N được ly hôn với anh Phùng Thanh P.

2. Về con chung: tiếp tục giao cháu Phùng Cẩm D, sinh ngày 09/3/2008 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh P không phải cấp dưỡng nuôi cháu D nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung : không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Lê Hồng N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0011662 ngày 26 tháng

4 năm 2018 chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Anh Phùng Thanh P không phải nộp án phí.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nội nhan:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Phước Long
- Nông sở
- Ngõôi tham gia toi tung khac
- Lầu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn